PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2014/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2014*

NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Cơ yếu ngày 26 tháng 11 năm 2011;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan thanh tra và Thủ trưởng cơ quan thanh tra thuộc Bộ Quốc phòng; Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên và cộng tác viên Thanh tra quốc phòng; đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan đến hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật về quốc phòng, cơ yếu của Việt Nam.

Trường hợp quy định của Nghị định này khác với quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra quốc phòng

Thanh tra quốc phòng có trách nhiệm thực hiện và giúp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đối tượng của Thanh tra quốc phòng

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật về quốc phòng, cơ yếu; thực hiện nhiệm vụ và các quy định về chuyên môn - kỹ thuật, các quy định quản lý trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến pháp luật về quốc phòng, cơ yếu của Việt Nam.

Điều 5. Nội dung hoạt động Thanh tra quốc phòng

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, cơ yếu; các quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy định quản lý trong lĩnh vực quốc phòng và cơ yếu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật nhà nước, chấp hành nhiệm vụ, quyền hạn, mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của người chỉ huy đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền người chỉ huy cùng cấp.

3. Tham mưu và giúp người chỉ huy cùng cấp tổ chức, quản lý và thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

4. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thi hành hoặc hủy bỏ các quy định ban hành trái với văn bản pháp luật về thanh tra.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động Thanh tra quốc phòng

1. Tuân theo pháp luật; điều lệnh, điều lệ, các quy định của Quân đội; quy chế, chế độ, quy định của ngành Cơ yếu; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

2. Không trùng lặp phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

3. Hoạt động thanh tra hành chính được tiến hành theo Đoàn thanh tra; hoạt động thanh tra chuyên ngành được tiến hành theo Đoàn thanh tra hoặc do Thanh tra viên tiến hành độc lập.

Điều 7. Mối quan hệ của Thanh tra quốc phòng

1. Thanh tra Bộ Quốc phòng chịu sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, sự quản lý, chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra quốc phòng các cấp chịu sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý, chỉ huy của người chỉ huy cùng cấp, sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về nghiệp vụ của cơ quan Thanh tra quốc phòng cấp trên trực tiếp.

3. Quan hệ giữa cơ quan thanh tra trong Bộ Quốc phòng với các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

4. Quan hệ giữa cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp với các cơ quan thanh tra các bộ, ngành, địa phương là mối quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Hoạt động của các cơ quan, đơn vị không có cơ quan Thanh tra quốc phòng

1. Các cơ quan, đơn vị trong Quân đội từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên không có cơ quan thanh tra thì người chỉ huy chịu trách nhiệm và phân công cán bộ thuộc quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng thuộc cơ quan, đơn vị.

2. Các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước trong Quân đội tổ chức Ban thanh tra nhân dân do Ban Chấp hành công đoàn cơ sở chịu trách nhiệm chỉ đạo hoạt động theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Chương II
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA QUỐC PHÒNG

Điều 9. Tổ chức Thanh tra quốc phòng

1. Các cơ quan Thanh tra quốc phòng, bao gồm:

a) Thanh tra Bộ Quốc phòng (sau đây gọi là Thanh tra Bộ);

b) Thanh tra quốc phòng quân khu;

c) Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục;

d) Thanh tra Cơ yếu;

đ) Thanh tra quân chủng;

e) Thanh tra Bộ đội Biên phòng;

g) Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; Thanh tra quốc phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh);

h) Thanh tra quân đoàn, binh chủng và tương đương.

2. Tổ chức, biên chế, trang bị của Thanh tra quốc phòng các cấp do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và các chức danh khác đối với Thanh tra quốc phòng các cấp thực hiện theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Quốc phòng, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; tiến hành thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng của Bộ Quốc phòng; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

Phó Chánh Thanh tra Bộ giúp Chánh Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra Bộ.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Trong quản lý nhà nước về thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra thuộc trách nhiệm của Thanh tra Bộ; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của thanh tra các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Chỉ đạo công tác, hướng dẫn, bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra đối với đội ngũ cán bộ Thanh tra quốc phòng các cấp; tham gia quản lý, sử dụng cán bộ thanh tra ở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng; hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng;

c) Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo về công tác thanh tra; tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ;

đ) Thực hiện sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, thông tin, báo cáo, nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu nghiệp vụ về công tác thanh tra quốc phòng.

2. Trong hoạt động thanh tra, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thanh tra hoặc phối hợp với Thanh tra các Bộ, ngành, địa phương tiến hành thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, các mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng; thanh tra đối với các doanh nghiệp trong Quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập;

c) Thanh tra vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao;

d) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của các kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng khi cần thiết.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

4. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Chánh Thanh tra Bộ có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Chánh Thanh tra Bộ có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quyết định của mình;

b) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao;

c) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thanh tra trong phạm vi quản lý của mình khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quyết định của mình;

đ) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng;

e) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

g) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giải quyết vấn đề có liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ;

h) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

i) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

k) Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra;

l) Tham gia ý kiến với lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng về thống nhất quản lý Thanh tra viên quốc phòng và sắp xếp, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quốc phòng cùng cấp trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định;

m) Trưng tập sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân viên quốc phòng của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

Điều 13. Thanh tra quốc phòng quân khu

Thanh tra quốc phòng quân khu là cơ quan trực thuộc quân khu, giúp Tư lệnh quân khu quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan,

đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của quân khu và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn quân khu; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quốc phòng quân khu

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Tư lệnh quân khu phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thanh tra hoặc phối hợp với thanh tra các cấp trong và ngoài Quân đội tiến hành thanh tra thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn; quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với các địa phương, cơ quan, tổ chức và cá nhân thuộc phạm vi quản lý của quân khu.

3. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh quân khu đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của quân khu.

4. Thanh tra vụ việc khác do Tư lệnh quân khu giao.

5. Giúp Tư lệnh quân khu quản lý, chỉ đạo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

6. Giúp Tư lệnh quân khu quản lý, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh khi cần thiết.

8. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra do Thanh tra Bộ Quốc phòng và quân khu đã tiến hành trên địa bàn quân khu. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của quân khu.

9. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy, cơ quan, đơn vị và Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh thuộc quân khu quản lý. Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ cho Thanh tra nhân dân. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu nghiệp vụ ngành Thanh tra quốc phòng.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu

1. Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của quân khu; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra quốc phòng quân khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 14 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý của quân khu.

2. Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh quân khu về quyết định của mình;

b) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, khi được Tư lệnh quân khu giao;

c) Yêu cầu Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tiến hành thanh tra trong phạm vi quản lý của mình khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh quân khu về quyết định của mình;

d) Quyết định hoặc kiến nghị Tư lệnh quân khu tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của quân khu;

đ) Kiến nghị với Tư lệnh quân khu giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ;

e) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

g) Kiến nghị với Tư lệnh quân khu xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Tư lệnh quân khu có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

h) Tham gia, kiến nghị với lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị trực thuộc quân khu việc quản lý, sắp xếp, sử dụng Thanh tra viên và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh;

i) Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành kỷ luật, thuyên chuyển công tác của người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc quân khu đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra;

k) Báo cáo Tư lệnh quân khu, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

l) Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của quân khu trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra;

m) Trưng tập sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân viên quốc phòng của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

Điều 16. Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục

Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục là cơ quan trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục, giúp Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị do Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục trực tiếp quản lý; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng, Chủ nhiệm các tổng cục phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đó.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục. Khi Thanh tra Bộ yêu cầu thì phối hợp thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước, quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân.

3. Thanh tra vụ việc khác do Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục giao.

4. Giúp Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục quản lý, chỉ đạo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

5. Giúp Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục quản lý, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục.

7. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục. Phối hợp với cơ quan chính trị cùng cấp bồi dưỡng nghiệp vụ cho thanh tra nhân dân.

8. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 17 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị với Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị với Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, thuyên chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó trở ngại cho việc thanh tra.

6. Kiến nghị với Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Báo cáo với Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

9. Trưng tập sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức công nhân viên quốc phòng của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

Điều 19. Thanh tra Cơ yếu

Thanh tra Cơ yếu là cơ quan trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, giúp Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ (sau đây gọi là Trưởng ban) quản lý, chỉ đạo về công

tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Trưởng ban; thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Ban Cơ yếu Chính phủ; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cơ yếu

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Trưởng ban phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Trưởng ban.

3. Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành cơ yếu, quy định về chuyên môn - kỹ thuật và quy tắc quản lý ngành Cơ yếu.

4. Thanh tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

5. Thanh tra vụ việc khác do Trưởng ban giao.

6. Giúp Trưởng ban quản lý, chỉ đạo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

7. Giúp Trưởng ban quản lý, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

8. Xử lý hoặc kiến nghị áp dụng các biện pháp xử lý để phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về cơ yếu.

9. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra trong phạm vi quản lý của Trưởng ban. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Ban Cơ yếu Chính phủ.

10. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy, cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Trưởng ban. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cơ yếu

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Trưởng ban; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Cơ yếu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Nghị định này và các quy định của ngành Cơ yếu, pháp luật về thanh tra, cơ yếu và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về quyết định của mình.

3. Quyết định hoặc kiến nghị Trưởng ban tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Trưởng ban.

4. Kiến nghị với Trưởng ban những vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng.

5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

6. Kiến nghị với Trưởng ban xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Trưởng ban có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

8. Báo cáo Trưởng ban, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

9. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

10. Trưng tập người làm công tác cơ yếu của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

Điều 22. Thanh tra quân chủng

Thanh tra quân chủng là cơ quan trực thuộc quân chủng, giúp Tư lệnh quân chủng quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh quân chủng; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quân chủng

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Tư lệnh quân chủng phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh quân chủng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tư lệnh quân chủng. Khi Thanh tra Bộ yêu cầu thì phối hợp thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân.

3. Thanh tra vụ việc khác do Tư lệnh quân chủng giao.

4. Giúp Tư lệnh quân chủng quản lý, chỉ đạo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

5. Giúp Tư lệnh quân chủng quản lý, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quân chủng.

7. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quân chủng.

8. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quân chủng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của quân chủng; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra quân chủng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 23 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh quân chủng về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị với Tư lệnh quân chủng giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị với Tư lệnh quân chủng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, thuyên chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quân chủng đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó trở ngại cho việc thanh tra.

6. Kiến nghị Tư lệnh quân chủng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Báo cáo Tư lệnh quân chủng, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của quân chủng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

9. Trưng tập sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân viên quốc phòng của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

Điều 25. Thanh tra Bộ đội Biên phòng

Thanh tra Bộ đội Biên phòng là cơ quan trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, giúp Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; thanh tra chuyên ngành việc thực hiện pháp luật về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và tại các cửa khẩu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động trên địa bàn biên giới, hải đảo, vùng biển, các cửa khẩu trong phạm vi quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia của Bộ đội Biên phòng; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ đội Biên phòng

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

3. Tổ chức thanh tra hoặc phối hợp với thanh tra các cấp tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và tại các cửa khẩu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động trên địa bàn biên giới, hải đảo, vùng biển, các cửa khẩu trong phạm vi quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia của Bộ đội Biên phòng.

4. Thanh tra vụ việc khác do Tư lệnh Bộ đội Biên phòng giao.

5. Giúp Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quản lý, chỉ đạo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

6. Giúp Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quản lý, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

7. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra đối với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đội Biên phòng. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý.

8. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy, cơ quan, đơn vị và Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh thuộc quyền quản lý của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu nghiệp vụ ngành Thanh tra quốc phòng.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ đội Biên phòng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 26 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh Bộ đội Biên phòng về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị với Tư lệnh Bộ đội Biên phòng giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị với Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, thuyên chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó trở ngại cho việc thanh tra.

6. Kiến nghị Tư lệnh Bộ đội Biên phòng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Tham gia kiến nghị với lãnh đạo, chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan liên quan của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng về việc quản lý, sắp xếp, sử dụng Thanh tra viên và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8. Báo cáo Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

9. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

10. Trưng tập sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân viên quốc phòng của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

Điều 28. Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh

1. Thanh tra quốc phòng tỉnh là cơ quan trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. Giúp Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân

thuộc phạm vi quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn tỉnh; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan trực thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, giúp Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh; thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, nhiệm vụ quân sự đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thanh tra hoặc phối hợp với Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân theo thẩm quyền quản lý nhà nước của tỉnh.

4. Thanh tra các vụ việc khác do Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh giao.

5. Giúp Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, chỉ đạo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

6. Giúp Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, chỉ đạo nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

7. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh

Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh tra quốc phòng tỉnh, Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh tra quốc phòng cấp trên và Thanh tra tỉnh đã tiến hành thanh tra ở những đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ công tác thanh tra đối với người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh

1. Chánh thanh tra quốc phòng cấp tỉnh có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh Thanh tra Quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Thanh tra Quốc phòng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 29 Nghị định này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định của mình;

b) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

c) Kiến nghị Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu;

d) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

đ) Kiến nghị Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

e) Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành kỷ luật, thuyên chuyển công tác của người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra;

g) Báo cáo Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

h) Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra;

i) Trưng tập sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân viên quốc phòng của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

Điều 31. Thanh tra quân đoàn, binh chủng và tương đương

Thanh tra quân đoàn, binh chủng và tương đương là cơ quan trực thuộc quân đoàn, binh chủng và tương đương, giúp Thủ trưởng cùng cấp quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền người chỉ huy cùng cấp; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quân đoàn, binh chủng và tương đương

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Thủ trưởng cùng cấp phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng và người chỉ huy cùng cấp đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tư lệnh quân đoàn, binh chủng và tương đương.

3. Thanh tra vụ việc khác do người chỉ huy cùng cấp giao.

4. Giúp người chỉ huy cùng cấp quản lý, chỉ đạo nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

5. Giúp người chỉ huy cùng cấp quản lý, chỉ đạo nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra do thanh tra cấp trên và cấp mình đã tiến hành ở các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của người chỉ huy. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Thủ trưởng cùng cấp.

7. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ công tác thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của người chỉ huy cùng cấp. Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo, công tác thanh tra.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quân đoàn, binh chủng và tương đương

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Thủ trưởng cùng cấp; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra quân đoàn, binh chủng và tương đương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 32 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cùng cấp về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị Tư lệnh quân đoàn, binh chủng và tương đương giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị Tư lệnh quân đoàn, binh chủng và tương đương xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

6. Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành kỷ luật, thuyên chuyển công tác của người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc quân đoàn, binh chủng và tương đương đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra.

7. Báo cáo Tư lệnh quân đoàn, binh chủng và tương đương, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của quân đoàn, binh chủng và tương đương trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

9. Trưng tập sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân viên quốc phòng của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

Chương III
THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA QUỐC PHÒNG

Điều 34. Thanh tra viên quốc phòng

1. Thanh tra viên quốc phòng là người được bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra, để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thanh tra, có tiêu chuẩn chung quy định tại Khoản 1 Điều 32 Luật Thanh tra và tiêu chuẩn các ngạch thanh tra trong Quân đội do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Thanh tra viên quốc phòng sử dụng trang phục theo quy định của Quân đội nhân dân Việt Nam; được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra.

Điều 35. Cộng tác viên Thanh tra quốc phòng

1. Cộng tác viên thanh tra là người không thuộc biên chế của cơ quan Thanh tra nhà nước được cơ quan thanh tra trưng tập tham gia Đoàn thanh tra theo yêu cầu của Chánh Thanh tra các cấp.

2. Cộng tác viên thanh tra phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân viên quốc phòng có phẩm chất chính trị tốt; có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan, công minh; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thanh tra.

3. Khi tiến hành thanh tra, Cộng tác viên thanh tra phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Cộng tác viên trong thời gian tham gia Đoàn thanh tra quốc phòng được hưởng các chính sách theo quy định của Luật Thanh tra, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG THANH TRA QUỐC PHÒNG

Điều 36. Xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra năm

1. Hàng năm, căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Tổng Thanh tra Chính phủ và yêu cầu công tác quản lý của Bộ Quốc phòng, Chánh Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm.

2. Căn cứ vào kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ và yêu cầu công tác quản lý của các cơ quan, đơn vị; Chánh Thanh tra các cơ quan, đơn vị trình Thủ trưởng quản lý trực tiếp phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hàng năm; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Kế hoạch thanh tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được gửi cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 37. Hình thức và thời hạn thanh tra

1. Hình thức thanh tra

a) Thanh tra theo kế hoạch được tiến hành theo kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, đơn vị, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp giao;

c) Thanh tra thường xuyên được tiến hành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có chức năng thanh tra chuyên ngành.

2. Thời hạn thanh tra

a) Cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra Bộ, Thanh tra quân khu, Thanh tra tổng cục, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra quân chủng và Thanh tra Bộ đội Biên phòng tiến hành không quá 45 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 70 ngày;

b) Cuộc thanh tra hành chính do thanh tra các cấp khác tiến hành không quá 30 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài, nhưng không quá 45 ngày;

c) Cuộc thanh tra chuyên ngành do thanh tra các cấp tiến hành theo đoàn không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp có thể kéo dài, nhưng không quá 70 ngày; do Thanh tra viên chuyên ngành tiến hành độc lập không quá 05 ngày.

Điều 38. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra; xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành cuộc thanh tra

1. Căn cứ kế hoạch thanh tra năm, Chánh Thanh tra các cấp ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Đối với vụ việc phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị; người chỉ huy cùng cấp ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

3. Việc ra quyết định thanh tra phải có một trong các căn cứ sau đây:

a) Chương trình, kế hoạch thanh tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng;

d) Theo yêu cầu của người chỉ huy cùng cấp.

4. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành cuộc thanh tra

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành cuộc thanh tra trình người ra quyết định thanh tra phê duyệt.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra

1. Người ra quyết định thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 hoặc Điều 55 Luật Thanh tra.

2. Kết luận hoặc ủy quyền cho Trưởng đoàn thanh tra kết luận về nội dung thanh tra.

Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra

1. Trưởng đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 46 hoặc Điều 53 Luật Thanh tra.

2. Kết luận nội dung thanh tra khi được người ra quyết định thanh tra ủy quyền.

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Đoàn thanh tra

1. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn thanh tra.

2. Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu đó.

3. Kiến nghị Trưởng đoàn thanh tra áp dụng biện pháp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra quy định tại Điều 40 Nghị định này để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Kiến nghị việc xử lý về vấn đề khác liên quan đến nội dung thanh tra.

5. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Trưởng đoàn thanh tra, chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn thanh tra và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của nội dung báo cáo.

Điều 42. Báo cáo kết quả thanh tra

1. Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thanh tra, nội dung báo cáo kết quả thanh tra thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 49 Luật Thanh tra.

2. Trưởng Đoàn thanh tra tổ chức họp Đoàn thanh tra để thảo luận về dự thảo báo cáo kết quả thanh tra; trường hợp các thành viên Đoàn thanh tra có ý kiến khác nhau thì Trưởng đoàn thanh tra xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 43. Kết luận thanh tra

1. Căn cứ báo cáo kết quả thanh tra, nội dung giải trình của đối tượng thanh tra (nếu có) và các tài liệu liên quan, người ra quyết định thanh tra hoặc Trưởng đoàn thanh tra (khi được ủy quyền) chỉ đạo việc hoàn thiện và ký kết luận thanh tra. Kết luận thanh tra có các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 50 Luật Thanh tra.

2. Người ra quyết định thanh tra hoặc Trưởng đoàn thanh tra (khi được ủy quyền) có trách nhiệm tổ chức công bố kết luận thanh tra hoặc gửi kết luận thanh tra cho đối tượng thanh tra. Việc công bố kết luận thanh tra được lập thành biên bản.

3. Kết luận thanh tra được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Thanh tra.

Điều 44. Công khai kết luận thanh tra

1. Kết luận thanh tra phải được công khai, trừ những kết luận thanh tra thuộc bí mật quân sự và bí mật nhà nước.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, người ra kết luận thanh tra có trách nhiệm thực hiện công khai kết luận thanh tra.

3. Việc công khai kết luận thanh tra được thực hiện bằng hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật Thanh tra.

Điều 45. Xử lý và chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra

1. Sau khi có kết luận thanh tra hoặc nhận được kết luận thanh tra, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra:

a) Xử lý, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý sai phạm về kinh tế;

b) Xử lý, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật;

c) Áp dụng, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục; hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật;

d) Xử lý vấn đề khác thuộc thẩm quyền trong kết luận thanh tra.

2. Người có trách nhiệm xử lý kết luận thanh tra mà không xử lý hoặc xử lý không đầy đủ thì bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra

Người nào cản trở, đưa hối lộ, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, tố cáo sai sự thật, vi phạm pháp luật về thanh tra; người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra hoặc vì động cơ cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm mà xử lý vi phạm, kết luận không đúng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Bảo đảm cho hoạt động thanh tra

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động thanh tra quốc phòng được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Quốc phòng và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật. Việc lập, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2. Việc bảo đảm vật chất, phương tiện phục vụ cho tổ chức và hoạt động Thanh tra quốc phòng các cấp do người chỉ huy cùng cấp chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014 và thay thế Nghị định số 26/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng, Nghị định số 12/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Cơ yếu Chính phủ.

Điều 49. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng